

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỘC NINH  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 85/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 25/9/2023

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Khánh Duyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Xuân Đạm

2. Bà Nguyễn Kim Phụng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Kỷ – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Như Mai Trang - *Kiểm sát viên*

Ngày 25 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2023/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 về “*tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 64/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

2. *Bị đơn:* Ông Lê Đình D, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 12 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Bà T tự nguyện chung sống với ông Lê Đình D và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng yên vào năm 1982. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do ông D thường xuyên cờ bạc, không có trách nhiệm, không quan tâm gia đình nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay nhận thấy không thể hàn gắn và tiếp tục sống chung được nữa nên bà T xin ly hôn với ông D

- Về con chung: Bà T và ông D có 04 con chung tên Lê Thị D - sinh năm 1983, Lê Quốc H - sinh năm 1984, Lê Thanh B - sinh năm 1986, Lê Đình N - sinh năm 1991. Hiện con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra bà T không mang thai, vợ chồng không có con nuôi.

- Về tài sản chung: Bà T và ông D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không có

Ngoài ra không yêu cầu giải quyết vấn đề gì khác trong vụ án.

*Đối với bị đơn ông Lê Đình D vắng mặt không có lý do:*

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt làm việc. Căn cứ biên bản xác minh ngày 08/5/2023 của Tòa án xác minh tại xã Lộc Phú xác định: ông Lê Đình D có đăng ký hộ khẩu tại ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước, hiện đang sống tại địa phương.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho ông D theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu chứng cứ và không có mặt theo các thông báo, quyết định của Tòa án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh phát biểu ý kiến:*

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành pháp luật, Tòa án đã tiến hành niêm yết theo luật định. Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội Đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

+ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Lê Đình Dân

+ Về con chung: Đã trưởng thành nên không đề nghị xem xét

+ Về tài sản chung đương sự không yêu cầu giải quyết và nợ chung khai không có nên không đề nghị HĐXX xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Bà Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lê Đình D nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “tranh chấp

ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Xét ông D cư trú tại xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định T điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dsự.

Bị đơn ông D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T khai bà và ông D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên nhưng đã làm thất lạc giấy chứng nhận kết hôn. Sự việc trên được Ủy ban nhân dân xã Đ xác nhận tại đơn xin xác nhận ngày 12/4/2023 của bà nên có cơ sở xác định bà T và ông D đã đăng ký kết hôn theo quy định.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo đơn khởi kiện và lời khai của bà T trong quá trình giải quyết vụ án và T phiên tòa thì giữa bà T và ông D phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông D cờ bạc, không quan tâm và có trách nhiệm với gia đình nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và đã sống ly thân từ khoảng năm 2020 cho đến nay. Đối với ông D, Tại phiên tòa ông D vắng mặt, trong quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông không đến làm việc cũng như tham gia hòa giải để đưa ra ý kiến và biện pháp hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Theo biên bản xác minh ngày 08/8/2023 của Tòa án xác minh tại địa phương thì ông D và bà T không còn sống chung với nhau khoảng 2-3 năm nay. Như vậy, có căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông D đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[4] Về con chung: Bà T và ông D có 04 con chung tên tên Lê Thị D - sinh năm 1983, Lê Quốc H - sinh năm 1984, Lê Thanh B - sinh năm 1986, Lê Đình N - sinh năm 1991, các con đều đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Mặc dù bà T khai giữa bà và ông D không có nợ chung, tuy nhiên quá trình giải quyết ông D không đến làm việc để trình bày về vấn đề trên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng Dsự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên bà T là người cao tuổi, có đơn xin miễn tạm ứng án phí, án phí nên được miễn toàn

bộ án phí theo quy định T Điều 12 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

*Vì các lẽ trên:*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Lê Đình D

2. Về con chung: Đã trưởng thành

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Ông D không phải chịu án phí DSST

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận :**

- TAND tỉnh Bình Phước ;
- VKSND huyện Lộc Ninh;
- CC.THADS huyện Lộc Ninh;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Khánh Duyên**